TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2026/DS-ST
Ngày: 16-6-2026
V/v tranh chấp dân sự
hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Rỡ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc Anh

2. Bà Hồ Thị Kim Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Linh Thi là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 -An Giang tham gia phiên tòa*:* Ông Trương Minh Thiện – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12–An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2026/TLST-DS ngày 11 tháng 03 năm 2026 về tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2026/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn*:** Bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1978, căn cước công dân số: 089178027480. Nơi cư trú: Số E H, ấp M, xã P, tỉnh An Giang. Số điện thoại: 0988 994 720 (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Hồng C, sinh năm 1992; căn cước công dân số: 089192018720 ; nơi cư trú: Số B P, ấp T, xã P, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/02/2026 và lời khai trong quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy T trình bày:

Do có mối quan hệ bạn bè quen biết, vào ngày 09/12/2019 bà Huỳnh Thị Hồng C có hỏi vay của bà Nguyễn Thị Thùy T số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) để xây nhà ở.

Qua trao đổi thống nhất bà T cho bà C vay 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) lãi suất 1,5 %/tháng, tức mỗi tháng bà C trả tiền lãi cho bà T 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng), vay không thời hạn, khi nào có tiền sẽ trả vốn hoặc khi nào bà T cần lấy lại vốn thì sẽ cho bà C biết trước một tháng. Bà C đã nhận đủ số tiền 100.000.000 đồng của bà T đưa và bà C có tự tay viết giấy biên nhận nợ ngày 09/12/2019.

Sau khi vay, bà C có trả lãi cho bà T được 07 tháng x 1.500.000đ =10.500.000 đồng (tức là từ ngày 09/01/2020 đến ngày 09/7/2020) hình thức trả trực tiếp bằng tiền mặt. Từ tháng 8/2020 bà C không trả lãi nữa nên bà T đến nhà lấy lãi thì được biết bà C đã bỏ đi xa, không có ở nhà, điện thoại thì không liên lạc được, từ đó bà C không trả lãi cho bà T nữa. Đến năm 2024, thấy bà C về nhà, bà T có đến gặp yêu cầu trả tiền vốn và tiền lãi thì bà C nhiều lần hứa hẹn rồi thất hứa không trả, nhiều lần thấy bà T đến nhà thì bà C cố tình né tránh không gặp. Đến nay bà C còn nợ bà T vốn vay 100.000.000 đồng và lãi từ tháng 8/2020 đến nay.

Bà T yêu cầu Toà án buộc bà Huỳnh Thị Hồng C có trách nhiệm trả cho bà T vốn vay 100.000.000 đồng và lãi theo quy định pháp luật từ tháng 8/2020 đến ngày Toà án xét xử.

Tại phiên toà: Bà T rút lại yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi, chỉ yêu cầu bị đơn trả vốn vay 100.000.000 đồng.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Hồng C đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không có tự khai nên không ghi nhận được ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12- An Giang phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt khi xét xử không rõ lý do, cho thấy chưa chấp hành theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả lãi.

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Thùy T. Buộc bà Huỳnh Thị Hồng C trả cho bà Nguyễn Thị Thùy T số tiền vay gốc 100.000.000 đồng.

Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: *"Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận"*. Do đó, bị đơn bà Huỳnh Thị Hồng C phải chịu án phí theo quy định của

pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 05/02/2026 và quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Thùy T yêu cầu bà Huỳnh Thị Hồng C trả vốn vay 100.000.000 đồng và lãi. Đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn có nơi cư trú xã P, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 12, tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.3] Bị đơn được Toà án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 228, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án theo thủ tục chung.

[1.4] Tại phiên toà nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn trả lãi từ tháng 8/2020 đến khi xét xử. Xét thấy, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, nên căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả lãi từ tháng 8/2020 cho đến khi kết thúc vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc còn thiếu là 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*). Tài liệu chứng cứ chứng minh yêu cầu khởi kiện gồm Biên nhận có nội dung "*em tên: Huỳnh Thị Hồng C. Hôm nay ngày 9/12/2019 em có dai mượn của chị T 100.000.000 đ (một trăm triệu đồng*)"

Bị đơn bà Huỳnh Thị Hồng C đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do, không có ý kiến bằng văn bản phản bác lại yêu cầu của nguyên đơn. Những tài liệu nguyên đơn cung cấp đã được Toà án công khai chứng cứ và thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ cho bị đơn nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối.

Xét thấy, ngày 09/12/2019 bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng. Việc các bên xác lập quan hệ vay tài sản là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Các bên không thỏa thuận về thời hạn vay mà chỉ thống nhất bằng lời nói rằng khi bị đơn có điều kiện sẽ hoàn trả số tiền vay hoặc khi nguyên đơn có nhu cầu nhận lại tiền thì sẽ báo trước cho bị đơn một tháng.

Từ tháng 8/2020 đến nay nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán khoản tiền vay và đã bảo đảm thời gian báo trước theo đúng thỏa thuận của các bên. Tuy nhiên, bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Theo khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý; đồng thời theo khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, bên vay tài sản là tiền phải trả đủ tiền khi đến hạn. Do nguyên đơn đã thực hiện quyền đòi nợ đúng quy định của pháp luật và bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Vì vậy, căn cứ Điều 463, Điều 466 và khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc đã vay là 100.000.000 đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 117, Điều 357, Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy T về việc yêu cầu bị đơn trả lãi từ tháng 8/2020 cho đến khi kết thúc vụ án theo quy định pháp luật.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy T. Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Hồng C phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy T số tiền nợ gốc 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thùy T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000 đồng theo biên lai thu số 302683 ngày 11/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Bà Huỳnh Thị Hồng C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 5.000.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 12- An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lý Thị Rỡ